

TRƯỜNG TRUNG CẤP BÁCH KHOA SÀI GÒN
PHÒNG ĐÀO TẠO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

MÔN: KINH TẾ VI MÔ

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm Thi		Điểm TBM Lần 1		
					HS1	HS2			L1	L2	TBM Lần 1		
							4,0		6,0	6,0	TB Môn	KQ1	
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
1	2223360235	Lê Hoàng Thiên	Ân	26/07/2007	02MK15C1	0,0	0,0	0,0	TBKT			0,0	Học lại
2	2223360264	Huỳnh Trọng	Ân	30/01/2007	02MK15C1	7,5	5,0	5,8		5,0		5,3	Đạt
3	2223360077	Lê Trần Trân	Châu	09/04/2002	02MK15C1			0,0	TBKT			0,0	Học lại
4	2223360212	Nguyễn Hoàng Thục	Đoan	30/06/2006	02MK15C1	6,5	7,0	6,8		6,5		6,6	Đạt
5	2223180085	Đàm Sỹ	Hào	21/06/2004	02MK15A1	0,0	0,0	0,0	TBKT			0,0	Học lại
6	2223360342	Phạm Thế	Hào	27/06/2007	02MK15C1	7,5	5,0	5,8		7,0		6,5	Đạt
7	2223360113	Võ Minh	Hằng	20/03/2007	02MK15C1	9,5	8,0	8,5		7,0		7,6	Đạt
8	2223360013	Huỳnh Nguyễn Đức	Hoài	09/01/2004	02MK15C1			0,0	TBKT			0,0	Học lại
9	2223360431	Lý Gia	Huy	27/09/2006	02MK15C1	7,5	6,0	6,5		7,0		6,8	Đạt
10	2223360375	Trần Thị Thu	Huyền	29/01/2007	02MK15C1	7,5	6,0	6,5		7,5		7,1	Đạt
11	2223360120	Lê Tuấn	Kiệt	01/12/2005	02MK15C1	9,5	8,0	8,5		5,0		6,4	Đạt
12	2223360497	Nguyễn Trần Tuấn	Khải	10/07/2007	02MK15C1	10,0	10,0	10,0		8,0		8,8	Đạt
13	2213360160	Nguyễn Hoàng Anh	Khoa	13/10/2001	02MK15C1	8,0	9,0	8,7		7,5		8,0	Đạt

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm Thi		Điểm TBM Lần 1		
					HS1	HS2			L1	L2	TBM Lần 1		
							4,0		6,0	6,0	TB Môn	KQ1	
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
14	2223360427	Nguyễn Lý Ánh	Linh	09/05/2006	02MK15C1	7,5	6,0	6,5		6,5		6,5	Đạt
15	2223360441	Nguyễn Thị Ngọc	Linh	08/05/2007	02MK15C1	7,5	10,0	9,2		7,5		8,2	Đạt
16	2223360580	Phạm Chi	Mai	22/03/2004	02MK15C1	7,5	8,0	7,8		8,0		7,9	Đạt
17	2223360084	Nguyễn Quang	Minh	30/04/2003	02MK15C1	0,0	0,0	0,0	TBKT	0,0		0,0	Học lại
18	2223360407	Nguyễn Văn Bình	Minh	24/10/2006	02MK15C1	5,0	4,0	4,3	TBKT	0,0		1,7	Học lại
19	2223360133	Bùi Hoài	Nam	06/02/2004	02MK15C1	0,0	0,0	0,0	TBKT	0,0		0,0	Học lại
20	2223360460	Trần Ngọc Thiên	Nga	09/11/2006	02MK15C1	0,0	0,0	0,0	TBKT	0,0		0,0	Học lại
21	2223360555	Phạm Thị Thu	Ngân	09/05/2000	02MK15C1	8,5	6,0	6,8		7,5		7,2	Đạt
22	2223360301	Nguyễn Hồng	Ngọc	12/02/2007	02MK15C1	7,5	5,0	5,8		6,5		6,2	Đạt
23	2223240236	Nguyễn Thị Thảo	Nguyên	13/03/2003	02MK15A1	7,5	10,0	9,2		6,0		7,3	Đạt
24	2223360368	Cao Minh	Nhật	06/12/2007	02MK15C1	6,5	5,0	5,5		5,0		5,2	Đạt
25	2223240040	Huỳnh Thị Hồng	Nhi	28/05/2001	02MK15A1			0,0	TBKT			0,0	Học lại
26	2223360596	Lê Thị Tuyết	Nhi	06/11/2004	02MK15C1			0,0	TBKT			0,0	Học lại
27	2223360453	Phạm Ngọc Quỳnh	Như	10/12/2007	02MK15C1	5,0	5,0	5,0		8,0		6,8	Đạt
28	2223360545	Lê Văn	Phú	08/11/2004	02MK15C1	6,0	0,0	2,0	TBKT	0,0		0,8	Học lại
29	2223360494	Lê Văn	Phúc	21/02/2007	02MK15C1	7,5	5,0	5,8		7,5		6,8	Đạt

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm Thi		Điểm TBM Lần 1		
					HS1	HS2			L1	L2	TBM Lần 1		
							4,0		6,0	6,0	TB Môn	KQ1	
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
30	2223360592	Bùi Hải	Phúc	10/09/2007	02MK15C1	7,5	5,0	5,8		8,0		7,1	Đạt
31	2223360434	Trần Ngọc Uyên	Phương	19/09/2007	02MK15C1	7,5	7,0	7,2		7,5		7,4	Đạt
32	2223360563	Trịnh Kiều Tố	Quyên	21/02/2003	02MK15C1	4,0	0,0	1,3	TBKT	0,0		0,5	Học lại
33	2223240087	Đặng Huỳnh Thủy	Tiên	13/11/2003	02MK15A1	0,0	0,0	0,0	TBKT	0,0		0,0	Học lại
34	2223360402	Lê Ngọc Thuỷ	Tiên	29/12/2007	02MK15C1	7,5	5,5	6,2		7,0		6,7	Đạt
35	2223360465	Vũ Cẩm	Tú	19/02/2006	02MK15C1	9,5	9,5	9,5		7,0		8,0	Đạt
36	2223360487	Nguyễn Quang	Tú	11/01/2006	02MK15C1	6,5	8,5	7,8		2,5		4,6	Đạt
37	2223360048	Lý Vũ Gia	Thanh	05/05/2003	02MK15C1	5,0	5,0	5,0		0,0		2,0	Thi lại
38	2223360520	Trần Phương	Thanh	05/05/2007	02MK15C1	7,5	7,0	7,2		8,5		8,0	Đạt
39	2223360197	Nguyễn Thị	Thảo	28/05/2006	02MK15C1	7,5	6,0	6,5		7,0		6,8	Đạt
40	2223360456	Trần Ngọc Thanh	Thảo	12/11/2007	02MK15C1	9,5	10,0	9,8		6,5		7,8	Đạt
41	2223360258	Lâm Minh	Thắng	22/07/2007	02MK15C1	7,5	5,0	5,8		8,0		7,1	Đạt
42	2223360376	Nguyễn Tuấn	Thiên	10/08/2007	02MK15C1	7,5	5,5	6,2		8,0		7,3	Đạt
43	2223360175	Huỳnh Tấn	Thông	15/12/2003	02MK15C1	6,0	6,5	6,3		2,0		3,7	Thi lại
44	2223360052	Huỳnh Văn	Thường	17/12/2004	02MK15C1	4,0	0,0	1,3	TBKT	0,0		0,5	Học lại
45	2223360199	Lê Ngọc Bảo	Thy	25/12/2007	02MK15C1	7,5	5,0	5,8		7,5		6,8	Đạt

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm Thi		Điểm TBM Lần 1		
					HS1	HS2			L1	L2	TB Môn	KQ1	
							4,0		6,0	6,0			
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
46	2223240019	Phạm Minh	Trang	07/02/2000	02MK15A1			0,0	TBKT			0,0	Học lại
47	2223360250	Lê Ngọc Y	Trang	21/12/2007	02MK15C1	10,0	10,0	10,0		8,0		8,8	Đạt
48	2223360025	Ngô Thị Bích	Trâm	07/03/2002	02MK15C1	8,5	8,5	8,5		8,0		8,2	Đạt
49	2223360271	Trần Thị Mỹ	Trâm	15/04/2004	02MK15C1	9,5	10,0	9,8		8,0		8,7	Đạt
50	2223360244	Hứa Thị Hạnh	Trúc	21/07/2007	02MK15C1	6,5	7,0	6,8		8,0		7,5	Đạt
51	2223360232	Võ Phan Phú	Trung	08/04/2007	02MK15C1	5,0	3,0	3,7	TBKT	0,0		1,5	Học lại
52	2223360522	Bùi Quang	Trường	27/02/2003	02MK15C1	5,0	5,0	5,0		6,5		5,9	Đạt
53	2223360440	Nguyễn Đình Thảo	Uyên	26/08/2006	02MK15C1	7,5	7,0	7,2		8,0		7,7	Đạt
54	2203360364	Văn Bảo	Uyên	03/09/2004	02MK15C1	7,5	5,0	5,8		5,5		5,6	Đạt
55	2223360339	Trương Nguyễn Mỹ	Vi	15/09/2007	02MK15C1	9,5	7,5	8,2		7,0		7,5	Đạt
56	2223360369	Đoàn Quốc	Việt	27/04/2007	02MK15C1	5,0	4,0	4,3	TBKT	0,0		1,7	Học lại
57	2213360075	Lê Thị Thúy	Vy	03/07/2006	02MK15C1	0,0	0,0	0,0	TBKT	0,0		0,0	Học lại
58	2223360537	Nguyễn Kim Ngọc	Vy	01/09/2005	02MK15C1	6,5	5,0	5,5		8,5		7,3	Đạt

TRƯỜNG TRUNG CẤP BÁCH KHOA SÀI GÒN
PHÒNG ĐÀO TẠO

MÔN: NGUYÊN LÝ KẾ TOÁN

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm Thi		Điểm TBM Lần 1		
					HS1	HS2			L1	L2	TB Môn	KQ1	
							4,0		6,0	6,0			
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
1	2223360235	Lê Hoàng Thiên Ân	26/07/2007	02MK15C1	0,0	0,0	0,0	TBKT	0,0			0,0	Học lại
2	2223360264	Huỳnh Trọng Ân	30/01/2007	02MK15C1	6,0	6,0	6,0			7,0		6,6	Đạt
3	2223360077	Lê Trần Trân Châu	09/04/2002	02MK15C1			0,0	TBKT				0,0	Học lại
4	2223360212	Nguyễn Hoàng Thục Đoan	30/06/2006	02MK15C1	8,0	8,0	8,0			0,0		3,2	Thi lại
5	2223180085	Đàm Sỹ Hào	21/06/2004	02MK15A1	0,0	0,0	0,0	TBKT				0,0	Học lại
6	2223360342	Phạm Thế Hào	27/06/2007	02MK15C1	6,0	6,0	6,0			0,0		2,4	Thi lại
7	2223360113	Võ Minh Hằng	20/03/2007	02MK15C1	9,0	9,0	9,0			6,5		7,5	Đạt
8	2223360013	Huỳnh Nguyễn Đức Hoài	09/01/2004	02MK15C1			0,0	TBKT				0,0	Học lại
9	2223360431	Lý Gia Huy	27/09/2006	02MK15C1	8,0	9,0	8,7			6,5		7,4	Đạt
10	2223360375	Trần Thị Thu Huyền	29/01/2007	02MK15C1	7,0	8,0	7,7			7,0		7,3	Đạt
11	2223360120	Lê Tuấn Kiệt	01/12/2005	02MK15C1	9,0	10,0	9,7			9,5		9,6	Đạt
12	2223360497	Nguyễn Trần Tuấn Khải	10/07/2007	02MK15C1	9,0	10,0	9,7			9,5		9,6	Đạt
13	2213360160	Nguyễn Hoàng Anh Khoa	13/10/2001	02MK15C1	9,0	10,0	9,7			10,0		9,9	Đạt

MÔN: NGUYÊN LÝ KẾ TOÁN

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN		Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm Thi		Điểm TBM Lần 1	
						HS1	HS2			L1	L2		
								4,0		6,0	6,0	TB Môn	KQ1
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
14	2223360427	Nguyễn Lý Ánh	Linh	09/05/2006	02MK15C1	8,0	9,0	8,7		6,0		7,1	Đạt
15	2223360441	Nguyễn Thị Ngọc	Linh	08/05/2007	02MK15C1	7,0	7,0	7,0		3,5		4,9	Đạt
16	2223360580	Phạm Chi	Mai	22/03/2004	02MK15C1	7,0	7,0	7,0		7,5		7,3	Đạt
17	2223360084	Nguyễn Quang	Minh	30/04/2003	02MK15C1	0,0	0,0	0,0	TBKT			0,0	Học lại
18	2223360407	Nguyễn Văn Bình	Minh	24/10/2006	02MK15C1	5,0	5,0	5,0		3,0		3,8	Thi lại
19	2223360133	Bùi Hoài	Nam	06/02/2004	02MK15C1	7,0	7,0	7,0		9,5		8,5	Đạt
20	2223360460	Trần Ngọc Thiên	Nga	09/11/2006	02MK15C1	0,0	0,0	0,0	TBKT	0,0		0,0	Học lại
21	2223360555	Phạm Thị Thu	Ngân	09/05/2000	02MK15C1	9,0	10,0	9,7		7,0		8,1	Đạt
22	2223360301	Nguyễn Hồng	Ngọc	12/02/2007	02MK15C1	6,0	6,0	6,0		2,5		3,9	Thi lại
23	2223240236	Nguyễn Thị Thảo	Nguyên	13/03/2003	02MK15A1	9,0	9,0	9,0		6,5		7,5	Đạt
24	2223360368	Cao Minh	Nhật	06/12/2007	02MK15C1	5,0	5,0	5,0		6,0		5,6	Đạt
25	2223240040	Huỳnh Thị Hồng	Nhi	28/05/2001	02MK15A1			0,0	TBKT			0,0	Học lại
26	2223360596	Lê Thị Tuyết	Nhi	06/11/2004	02MK15C1			0,0	TBKT			0,0	Học lại
27	2223360453	Phạm Ngọc Quỳnh	Như	10/12/2007	02MK15C1	6,0	6,0	6,0		7,0		6,6	Đạt
28	2223360545	Lê Văn	Phú	08/11/2004	02MK15C1			0,0	TBKT			0,0	Học lại

MÔN: NGUYÊN LÝ KẾ TOÁN

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm Thi		Điểm TBM Lần 1		
					HS1	HS2			L1	L2	TB Môn	KQ1	
							4,0		6,0	6,0			
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
29	2223360494	Lê Văn	Phúc	21/02/2007	02MK15C1	8,0	9,0	8,7		2,5		5,0	Đạt
30	2223360592	Bùi Hải	Phúc	10/09/2007	02MK15C1	6,0	6,0	6,0		7,0		6,6	Đạt
31	2223360434	Trần Ngọc Uyên	Phương	19/09/2007	02MK15C1	9,0	10,0	9,7		3,5		6,0	Đạt
32	2223360563	Trịnh Kiều Tố	Quyên	21/02/2003	02MK15C1	0,0	0,0	0,0	TBKT	0,0		0,0	Học lại
33	2223240087	Đặng Huỳnh Thủy	Tiên	13/11/2003	02MK15A1	0,0	0,0	0,0	TBKT	0,0		0,0	Học lại
34	2223360402	Lê Ngọc Thuỷ	Tiên	29/12/2007	02MK15C1	8,0	9,0	8,7		8,0		8,3	Đạt
35	2223360465	Vũ Cẩm	Tú	19/02/2006	02MK15C1	9,0	9,0	9,0		10,0		9,6	Đạt
36	2223360487	Nguyễn Quang	Tú	11/01/2006	02MK15C1	8,0	9,0	8,7		2,5		5,0	Đạt
37	2223360048	Lý Vũ Gia	Thanh	05/05/2003	02MK15C1	7,0	7,0	7,0		0,0		2,8	Thi lại
38	2223360520	Trần Phương	Thanh	05/05/2007	02MK15C1	7,0	8,0	7,7		7,0		7,3	Đạt
39	2223360197	Nguyễn Thị	Thảo	28/05/2006	02MK15C1	9,0	10,0	9,7		7,0		8,1	Đạt
40	2223360456	Trần Ngọc Thanh	Thảo	12/11/2007	02MK15C1	9,0	9,0	9,0		10,0		9,6	Đạt
41	2223360258	Lâm Minh	Thắng	22/07/2007	02MK15C1	6,0	7,0	6,7		0,5		3,0	Thi lại
42	2223360376	Nguyễn Tuấn	Thiên	10/08/2007	02MK15C1	5,0	5,0	5,0		1,5		2,9	Thi lại
43	2223360175	Huỳnh Tấn	Thông	15/12/2003	02MK15C1	0,0	0,0	0,0	TBKT	0,0		0,0	Học lại

MÔN: NGUYÊN LÝ KẾ TOÁN

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm Thi		Điểm TBM Lần 1		
					HS1	HS2			L1	L2	TB Môn	KQ1	
							4,0		6,0	6,0			
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
44	2223360052	Huỳnh Văn	Thường	17/12/2004	02MK15C1			0,0	TBKT	0,0		0,0	Học lại
45	2223360199	Lê Ngọc Bảo	Thy	25/12/2007	02MK15C1	6,0	7,0	6,7		7,0		6,9	Đạt
46	2223240019	Phạm Minh	Trang	07/02/2000	02MK15A1			0,0	TBKT	0,0		0,0	Học lại
47	2223360250	Lê Ngọc Y	Trang	21/12/2007	02MK15C1	9,0	9,0	9,0		10,0		9,6	Đạt
48	2223360025	Ngô Thị Bích	Trâm	07/03/2002	02MK15C1	9,0	9,0	9,0		10,0		9,6	Đạt
49	2223360271	Trần Thị Mỹ	Trâm	15/04/2004	02MK15C1	9,0	10,0	9,7		10,0		9,9	Đạt
50	2223360244	Hứa Thị Hạnh	Trúc	21/07/2007	02MK15C1	6,0	7,0	6,7		6,5		6,6	Đạt
51	2223360232	Võ Phan Phú	Trung	08/04/2007	02MK15C1	7,0	7,0	7,0		0,0		2,8	Thi lại
52	2223360522	Bùi Quang	Trường	27/02/2003	02MK15C1	8,0	8,0	8,0		6,5		7,1	Đạt
53	2223360440	Nguyễn Đình Thảo	Uyên	26/08/2006	02MK15C1	7,0	7,0	7,0		7,0		7,0	Đạt
54	2203360364	Văn Bảo	Uyên	03/09/2004	02MK15C1	7,0	8,0	7,7		6,5		7,0	Đạt
55	2223360339	Trương Nguyễn Mỹ	Vi	15/09/2007	02MK15C1	9,0	9,0	9,0		8,5		8,7	Đạt
56	2223360369	Đoàn Quốc	Việt	27/04/2007	02MK15C1	0,0	0,0	0,0	TBKT	0,0		0,0	Học lại
57	2213360075	Lê Thị Thúy	Vy	03/07/2006	02MK15C1	0,0	0,0	0,0	TBKT	0,0		0,0	Học lại
58	2223360537	Nguyễn Kim Ngọc	Vy	01/09/2005	02MK15C1	8,0	8,0	8,0		5,0		6,2	Đạt